

Đề cương chi tiết môn học

1. Tên môn học: **KIẾN TRÚC NHẬP MÔN** Mã môn học: INAR130123

2. Tên Tiếng Anh: **INTRODUCTORY ARCHITECTURE**

3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2/1/0) (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 09 tuần (5 tiết lý thuyết + 5 tiết tự học/ tuần)

4. Các giảng viên phụ trách môn học:

1/ GV phụ trách chính: TS. KTS. Đỗ Xuân Sơn

2/ Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

2.1/ TS. KTS. Lê Trọng Hải

2.2/ Ths. KTS. Bùi Ngọc Hiền

5. Điều kiện tham gia học tập môn học

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Môn học song song: Không

6. Mô tả môn học (Course Description)

Học phần nhập môn ngành được thiết kế để giúp sinh viên năm thứ nhất làm quen với môi trường nghề nghiệp Kiến trúc sư được học tập và thực hành tại Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.

Kiến trúc nhập môn là một trong những học phần tiên quyết, cung cấp cho sinh viên chuẩn đầu ra, đặc điểm, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo ngành Kiến Trúc. Học phần này phân tích các đặc điểm nghề nghiệp, và trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm cũng như trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Kiến trúc nhập môn cũng cung cấp cho sinh viên các khái niệm kiến thức về kiến trúc, các yếu tố tạo thành công trình kiến trúc, những lý thuyết cơ bản về không gian, kích thước, tỷ lệ... và cơ sở tạo hình kiến trúc. Giới thiệu qui trình làm việc, phương pháp nghiên cứu và tư duy sáng tạo của người kiến trúc sư, qua đó, giúp sinh viên hiểu, có kế hoạch học tập và định hướng được ngành nghề, có thêm kiến thức căn bản để tiếp tục học các môn học chuyên sâu.

7. Mục tiêu môn học (Course Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả mục tiêu (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
G1	Mô tả chuẩn đầu ra và các khối kiến thức của CTĐT ngành Kiến trúc Cung cấp những khái niệm cơ bản về kiến trúc.	1.2; 1.3;	2 2

G2	Xác định các kỹ năng và đạo đức cá nhân nghề nghiệp KTS	2.1; 2.3; 2.4; 2.5	2 2 2 2
G3	Kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm, kỹ năng mềm đáp ứng các yêu cầu học tập và nghề nghiệp KTS	3.1 3.3	1 2
G4	Phát triển khả năng vận dụng kiến thức trong thiết kế các công trình kiến trúc sau này	4.1	1

8. Chuẩn đầu ra của môn học

CDR Môn học	Mô tả CDR <i>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể)</i>	Chuẩn đầu ra CDIO	Trình độ năng lực
G1	G1.1 Mô tả các chuẩn đầu ra, đặc điểm, cấu trúc và nội dung của CTĐT ngành Kiến trúc	1.2.1	2
	G1.2 Hiểu rõ các kiến thức cơ bản về kiến trúc: – Kiến trúc, mô tả các bộ phận trong công trình – Khái niệm về các yếu tố tỷ lệ, tỷ xích, kích thước – Các quy luật trong tổ hợp kiến trúc. – Các khái niệm về không gian và cảnh quan kiến trúc. Đặc biệt chú trọng tới mối liên hệ giữa không gian và đối tượng sử dụng. Cơ sở bố cục và tạo hình nghệ thuật trong kiến trúc với những thành tố có liên quan như hình khối, màu sắc, chất cảm của vật liệu...	1.3.1	2
G2	G2.1 Chỉ ra các yếu tố tác động ảnh hưởng đến việc chọn giải pháp thiết kế kiến trúc công trình	2.1.1	2
	G2.2 Phát triển kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá để áp dụng thiết công trình kiến trúc	2.3.2	2
	G2.3 Xác định các kỹ năng tự học suốt đời	2.4.6	2
	G2.4 Mô tả các kỹ năng nghề nghiệp bao gồm trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp	2.5.1, 2.5.2	2
G3	G3.1 Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận & thuyết trình	3.1.1 3.1.2	1
	G3.2 Thực hiện giao tiếp tiếng Anh cơ bản	3.3.1	2
G4	G4.1 Liên kết mối liên hệ giữa các khái niệm cơ bản về kiến trúc công trình tạo nền tảng cho việc thiết kế công trình sau này	4.1.1 4.1.2	1

9. Đạo đức khoa học:

Tham dự lớp đầy đủ, nghiêm túc. Trong quá trình học, sinh viên phải tham gia thảo luận về các nội dung trong bài học. Thực hiện đầy đủ bài tập theo từng giai đoạn.

Các bài tập ở nhà và dự án phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá 0 (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

10. Nội dung chi tiết môn học:

Lý thuyết/Thực hành: (30LT/15 TH)

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Trình độ năng lực	Phương pháp học	Phươn g pháp đánh giá
1/1	<p>Buổi 1 (5):</p> <p>Chương 1: Tổng quan về ngành đào tạo Kiến Trúc</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>Giới thiệu mục tiêu, CĐR, nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của môn học</p> <p>1.1 Những thách thức về ngành Kiến trúc và vai trò KTS trong thế kỷ 21</p> <p>1.2 Người KTS sẽ làm gì?</p> <p>1.3 Những yếu tố chính trong việc sáng tác Kiến trúc</p> <p>1.4 Giải quyết các vấn đề và thu thập thông tin, phân tích số liệu cho công việc sáng tác Kiến trúc</p> <p>1.5 Quá trình thiết kế sáng tác Kiến trúc</p> <p>Chương 2: CTĐT ngành Kiến trúc ở Trường ĐHSPKT HCM</p> <p>2.1 Giới thiệu trường ĐH Sư phạm kỹ thuật Tp.HCM</p> <p>2.2 Giới thiệu khoa Xây dựng</p> <p>2.3 Giới thiệu ngành Kiến trúc</p> <p>2.4 Giới thiệu CTĐT ngành Kiến trúc</p> <p>2.4.1 Chuẩn đầu ra</p> <p>2.4.2 Đặc điểm CTĐT</p> <p>2.4.3 Cấu trúc và nội dung CTĐT</p>	G1.1 G2.1 G2.3	2 2 2	Nêu và giải quyết vấn đề	Trả lời câu hỏi ngắn
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <p>+ Tìm hiểu những thách thức của ngành Xây dựng Việt Nam trong 10 năm tới và cách giải quyết</p> <p>+ Tìm hiểu nội dung các môn học thông qua phần mô tả tóm tắt trong chương trình đào tạo và đề cương chi tiết</p> <p>+ Tìm đọc các tài liệu đến sáng tác Kiến trúc</p>	G1.1 G2.1 G2.3	2 2 2		Trách nhiệm khách quan
2/1	<p>Buổi 2 (5):</p> <p>Chương 3: Các vấn đề liên quan sáng tác Kiến trúc</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp</p> <p>I. Tổng quan về kiến trúc</p> <p>I.1. Khái niệm về kiến trúc</p>	G1.2 G2.1 G2.4	2 2 2	Theo tình huống và thảo luận nhóm	Bản đồ tư duy

<p>I.1.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu một số định nghĩa về kiến trúc - Công việc thiết kế kiến trúc - Công việc của người kiến trúc sư. <p>I.1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của kiến trúc qua các thời kỳ.</p> <p>Kiến trúc ra đời từ thời xã hội nguyên thủy, đến nay trải qua 7 thời kỳ tương ứng với 7 hình thức kết cấu vật liệu.</p> <p>I.2. Đặc điểm của kiến trúc</p> <p>I.2.1. Kiến trúc là kết quả của sự tổng hợp giữa khoa học kỹ thuật và nghệ thuật</p> <p>Khoa học kỹ thuật và vật chất là cơ sở, là phương tiện để thực hiện mục đích của kiến trúc, thỏa mãn yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ của con người.</p> <p>I.2.2. Kiến trúc phản ánh xã hội và mang tính tư tưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các tác phẩm kiến trúc có thể tạo nên một hình tượng khái quát, súc tích về một xã hội qua từng giai đoạn lịch sử. - Tương ứng với lịch sử xã hội, mỗi chế độ đều ảnh hưởng đến nội dung và hình thức của kiến trúc. <p>I.2.3. Kiến trúc mang tính dân tộc</p> <p>Tính cách dân tộc thường được phản ánh rất rõ nét qua công trình kiến trúc về hình thức và nội dung.</p> <p>I.2.4. Kiến trúc chịu ảnh hưởng rõ rệt của điều kiện tự nhiên và môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường địa lý tự nhiên - Môi trường cảnh quan và kiến trúc <p>I.3. Nhiệm vụ của kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra cơ sở vật chất - Cung cấp thông tin - Giáo dục con người <p>I.4. Yêu cầu của kiến trúc</p> <p>I.4.1. Yêu cầu thích dụng:</p> <p>Công trình kiến trúc nào cũng phải đáp ứng được yêu cầu quan trọng nhất là thích dụng, tức là phải phù hợp, tiện lợi cho việc sử dụng của con người.</p> <p>I.4.2. Yêu cầu bền vững</p> <p>Công trình kiến trúc phải an toàn, lâu bền với mỗi tác</p>				
--	--	--	--	--

	<p>động của con người và tự nhiên.</p> <p>I.4.3. Yêu cầu mỹ quan Ngoài nhu cầu vật chất, con người còn khát khao đòi hỏi yếu tố tinh thần hay mỹ cảm. Con người luôn mong muốn được ở trong ngôi nhà đẹp.</p> <p>I.4.4. Yêu cầu kinh tế Trong thiết kế và xây dựng một công trình kiến trúc có thể đạt được sự hợp lý về kinh tế.</p> <p>I.5. Công việc của kiến trúc sư</p> <p>I.5.1. Nghiên cứu thiết kế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế cơ sở, lập dự án - Thiết kế kỹ thuật, xin phép xây dựng - Thiết kế bản vẽ thi công <p>I.5.2. Giám sát thiết kế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi thi công đúng thiết kế - Bổ xung và xử lý kịp thời 				
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <p>+ Tìm và đọc các tài liệu liên quan tác động mặt XH văn hóa lịch sử & kinh tế đến đặc điểm của Kiến trúc, Các bộ phận cấu thành công trình kiến trúc</p> <p>+ Làm bài TL#1</p>	G1.1	2		
		G2.2	2		-Trách nhiệm khách quan -Bài luận
3/1	<p>Buổi 3 (5):</p> <p>II. Các bộ phận cấu thành công trình kiến trúc:</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp</p> <p>II.1. Một số khái niệm chung</p> <p>II.1.1. Chỉ giới đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất Nêu các khái niệm: chỉ giới đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất</p> <p>II.1.2. Qui mô công trình, vỏ bao che, nền, trần, gác lửng, giếng trời Nêu các khái niệm: Vỏ bao che, nền, trần, gác lửng, giếng trời</p> <p>II.2. Các bộ phận cơ bản của công trình kiến trúc</p> <p>II.2.1. Bộ phận kết cấu Móng, cột, đà, sàn, vì kèo</p> <p>II.2.2. Bộ phận cấu tạo Cửa sổ, cửa đi, logia, bancong, sê nô...</p> <p>II.2.3. Bộ phận kỹ thuật</p>	G1.2	1	Theo tình huống và thảo luận nhóm	Bản đồ tư duy
		G2.1	2		
		G2.4	2		

	<p>Hệ thống điện, cấp thoát nước, gas...</p> <p>II.2.4. Bộ phận trang trí Các vật liệu ốp, lát</p> <p>II.3. Phân loại công trình kiến trúc</p> <p>II.3.1. Phân loại theo chức năng sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình kiến trúc dân dụng: nhà ở, trường học, bệnh viện... - Công trình kiến trúc công nghiệp: nhà máy, xí nghiệp... - Công trình kiến trúc nông nghiệp: chuồng, trại... - Công trình kiến trúc quan sự: doanh trại... <p>II.3.2. Phân loại theo hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo độ cao: nhà ít tầng, nhiều tầng, cao tầng... - Theo vật liệu: tre, nứa, lá, gỗ, gạch, tôn, bê tông cốt thép... - Theo kết cấu chính: gỗ, gạch, đá, bê tông... - Theo phương pháp xây dựng: toàn khối, lắp ghép... <p>II.3.3. Phân loại theo giải pháp mặt bằng Nhà liên kế, song lập, tứ lập, chữ I, L, T, U...</p> <p>II.3.4. Phân loại theo cấp công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo chất lượng sử dụng: Bậc 1, 2, 3, 4 - Theo độ bền lâu: 4 cấp - Theo chất lượng thi công: thời gian thi công, tay nghề thi công - Theo độ chịu lửa: Không cháy, khó cháy, dễ cháy - Độ chịu lửa: 5 bậc <p>II.3.5. Phân loại theo qui mô công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình cấp quận huyện, cấp thành phố, cấp quốc gia... - Công trình thấp tầng, cao tầng, nhiều tầng. - Công trình có sức chứa lớn hoặc nhỏ. 				
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm đọc tác liệu đến các yếu tố cấu thành không gian kiến trúc, các đặc trưng không gian kiến trúc + Làm bài TL#1 	G1.1	2		
		G2.2	2		-Trách nhiệm khách quan -Bài luận
4/1	<p>Buổi 4 (5):</p> <p>III. Không gian kiến trúc</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp</p>	G1.2	2	Theo tình	Bản đồ
		G2.1	2	huống và	tư duy
		G2.4	2	thảo luận	

	<p>III.1. Khái niệm không gian kiến trúc Không gian kiến trúc được tạo ra từ không gian thiên nhiên và được ngăn cách bởi lớp vỏ bao che. Không gian kiến trúc là tổng hợp của 4 loại không gian: không gian đơn thuần, không gian cho sự sống, không gian cho hoạt động và không gian nhu cầu.</p> <p>III.2. Sự hình thành không gian kiến trúc</p> <p>III.2.1. Các yếu tố cấu thành không gian kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng; - Đối tượng sử dụng - Liên hệ, bao che và thiết bị - Mối quan hệ giữa không gian kiến trúc và đối tượng sử dụng, nhân tố chức năng con người. <p>III.2.2. Phân loại không gian kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại theo công năng - Phân loại theo hình thức không gian - Phân loại theo tính chất, đặc điểm không gian - Phân loại theo vị trí 			nhóm	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm đọc tài liệu về kích thước & tỷ lệ vàng, tỷ lệ vàng trong kiến trúc tương quan đến tỷ lệ con người + Làm bài TL#2 	G1.1	2		-Trách nhiệm khách quan
		G2.2	2		-Bài luận
5/1	<p>Buổi 5 (5):</p> <p>IV. Tỷ lệ và kích thước trong kiến trúc</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (5)</p> <p>IV.1. Tỷ lệ, tỷ xích, tỷ lệ vàng</p> <p>IV.1.1. Tỷ lệ Tỷ lệ là thuật ngữ thường được dùng trong nghệ thuật tạo hình kiến trúc, là yếu tố quan trọng để đạt đến sự hài hòa.</p> <p>IV.1.2. Tỷ xích Tỷ xích là mối tương quan giữa kiến trúc và con người.</p> <p>IV.1.3. Tỷ lệ vàng Là tỷ lệ cân đối nhất, với đặc điểm độc đáo là tương quan giữa thành phần nhỏ đối với thành phần lớn cũng bằng tương quan giữa thành phần lớn đối với thành phần tổng cộng, lớn và nhỏ – tức toàn thể và tất cả chỉ</p>	G1.2	1	Theo tình	Bản đồ
		G2.1	2	huống và	tư duy
		G2.4	2	thảo luận	
				nhóm	

	<p>có một giá trị tương quan duy nhất: 0,6180389 hay 61,8% .</p> <p>IV.2. Kích thước trong kiến trúc</p> <p>IV.2.1. Kích thước phi nhân tính</p> <p>Mét là hệ thống qui ước không có liên hệ gì đối với kiến trúc và cũng chẳng liên quan gì đến con người.</p> <p>IV.2.2. Kích thước nhân tính</p> <p>Le Corbusier dựa trên các cơ sở nghiên cứu những tỷ lệ tương quan của các bộ phận cơ thể con người cũng như những đặc điểm của kích thước kiến trúc đã đề xuất một phương pháp xác định các kích thước trong kiến trúc bằng một thước đo do ông tự làm ra có tên là Modulor hay còn gọi là thước đo nhân tính</p> <p>IV.2.3. Nguyên tắc căn bản xác định kích thước kiến trúc</p> <p>Kích thước kiến trúc được xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước kiến trúc = kích thước vật dụng + kích thước thao tác + kích thước đi lại. - Tỷ lệ xích: quan hệ giữa kiến trúc và con người. - Tỷ lệ vàng: tỷ lệ giữa các thành phần kiến trúc. 				
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <p>+ Tìm đọc các tài liệu về Cơ sở tạo hình kiến trúc</p> <p>+ Làm bài TL#2</p>	G1.1	2		
		G2.2	2		-Trách nhiệm khách quan -Bài luận
6/1	<p>Buổi 6 (5):</p> <p>V. Cơ sở tạo hình kiến trúc</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (5)</p> <p>V.1. Ngôn ngữ tạo hình kiến trúc</p> <p>Gồm: Điểm, tuyến, diện, khối, vật liệu, ánh sáng, bóng đổ.</p> <p>V.2. Bố cục tạo hình kiến trúc</p> <p>V.2.1. Khái niệm bố cục kiến trúc</p> <p>Là sự sắp xếp các yếu tố tạo hình thành một tập hợp mới đạt được sự thống nhất và hài hòa giữa các thành phần riêng rẽ và tổng thể nhằm mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao.</p> <p>V.2.2. Cơ sở bố cục tạo hình kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng nhìn - Các thành phần của bố cục 	G1.2	2	Quan sát và Thảo luận nhóm	Bản đồ tư duy
		G2.1	2		
		G2.4	2		

	<ul style="list-style-type: none"> - Phương hướng khí hậu - Các tác động khác <p>V.2.3. Các dạng bố cục tạo hình kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối xứng - Bất đối xứng - Tương phản - Chuyển động <p>V.2.4. Tính chất của bố cục tạo hình kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất và biến hóa - Cân bằng và ổn định - Tương xứng và tỷ lệ 				
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5) + Làm bài tập theo nhóm BTL #1</p>	G1.1	2		-Trách nhiệm khách quan -Bài luận
7/1	<p>Buổi 7 (5): Chương 4: Kỹ năng mềm (tt) A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (5) Nội dung GD lý thuyết (3):</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1 Kỹ năng làm việc nhóm 5.2 Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh 5.3 Kỹ thuật giao tiếp bằng lời nói <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ thuật soạn thảo báo cáo bằng powerpoint 5.4 Kỹ thuật giao tiếp bằng văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật soạn thảo báo cáo thí nghiệm, đề án, tiểu luận, nghiên cứu khoa học 5.5 Kỹ thuật giao tiếp bằng đồ họa 5.6 Kỹ thuật thu thập dữ liệu và xử lý thông tin <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tìm kiếm thông tin trên mạng, các cơ sở dữ liệu, sách, báo liên quan - Kỹ thuật lưu trữ thông tin - Kỹ thuật xử lý dữ liệu 5.7 Kỹ năng tự học và học tập suốt đời <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ thuật đọc tích cực và tổng hợp thông tin - Kỹ thuật tư duy tích cực - Kỹ thuật phát triển khả năng sáng tạo <p>Chương 5: Đạo đức nghề nghiệp</p>	G1.1	2	Theo tình huống	Báo cáo kết quả Quan sát
		G2.3	2		
		G3.1	1		
		G3.2	2		

	<p>Nội dung GD lý thuyết (2):</p> <p>6.1 Các chuẩn mực đạo đức cá nhân</p> <p>6.2 Các chuẩn mực đạo đức trong kỹ thuật</p> <p>6.3 Đạo đức trong học tập</p> <p>6.4 Trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức KTS trong các hoạt động xây dựng và quản lý kiến trúc đô thị</p> <p>Nội dung GD thực hành:</p> <p>Giải quyết các tình huống về đạo đức</p>				
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm BTL#1 - Chuẩn bị tài liệu liên quan cho bài tập khảo sát thực tế 	G1.1	2		Làm BTL#1
		G2.2	2		
		G2.3	2		
8/1	<p>Buổi 8 (5):</p> <p>Chương 6: Tổ chức các hoạt động nhóm ngoài trời – Khảo sát thực tế</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (5)</p> <p>Nội dung GD thực hành:</p> <p>SV đi tham quan công ty, công trường hoặc chiếu các video clip giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức và hoạt động các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng, các hoạt động XD liên quan chặt chẽ tới vai trò Kiến trúc - Vai trò của Kiến trúc sư trong các các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng 	G1.2	2	Quan sát và Thảo luận nhóm	Sơ đồ
		G2.1	2		
		G2.1	2		
		G2.4	2		
		G3.1	1		
		G4.1	1		
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập nhóm BTL#1 - Làm Powerpoint, báo cáo thuyết trình 	G1.1	2		Báo cáo trình chiếu
		G2.2	2		
		G2.3	2		
9/1	<p>Buổi 9 (5):</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (5)</p> <p>Nội dung GD thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV báo cáo BTL#1, Bài tập nhóm (thuyết trình theo nhóm) - Tổng kết nội dung môn học 	G2.1	2	Theo dự án	Tình huống thực tiễn
		G3.1	1		
		G4.1	1		

11. Đánh giá kết quả học tập

- Thang điểm đánh giá: 10

- Kế hoạch kiểm tra như sau:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm	Chuẩn đầu ra đánh giá	Trình độ năng lực	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỉ lệ (%)
Đánh giá quá trình							...

TL#1	Đánh giá kiểm tra giữa kỳ số 01 Sinh viên sẽ thực hiện bài luận liên quan đến những gì đã học từ buổi 1-3. Thuyết trình nhóm vào buổi 4	Tuần 2-4	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2	2 2 2 2	Báo cáo kết quả Quan sát	Bài kiểm tra viết tự luận Thuyết trình nhóm	20
TL#2	Đánh giá kiểm tra giữa kỳ số 02 Sinh viên sẽ làm bài thi tự luận với nội dung bao quát tất cả những gì đã học từ buổi 4-6 Thuyết trình nhóm vào buổi 6	Tuần 4-6	G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1	2 2 2 2 2 1	Báo cáo kết quả Quan sát	Bài kiểm tra viết tự luận	20
TL#3	Thực hành nói tiếng Anh: - Cá nhân: Giới thiệu về bản thân - Nhóm: Diễn một tình huống hội thoại có sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhóm	Tuần 7	G3.1 G3.2	1 2	Báo cáo kết quả Hỏi đáp	Thực hành trên lớp	20
Đánh giá cuối kỳ (Bài tập lớn)							...
TL#1	Các nhóm SV được yêu cầu tìm hiểu và báo cáo về nội dung trong môn học (Nhóm SV lựa chọn đề tài rồi thông báo cho GV, GV gợi ý, hướng dẫn SV cách làm). Bài tiểu luận được các nhóm SV báo cáo vào tuần cuối cùng, sửa và nộp bài tiểu luận nhóm trước khi kiểm tra	Tuần 7-9	G1.2 G2.1 G2.4 G3.1 G4.1	2 2 2 1 1	Báo cáo kết quả Quan sát	Bài luận	40

CĐR môn học	Hình thức kiểm tra			
	BT #1	BT #2	BT #3	TL #1
G1.1	x			
G1.2	x	x		x

G2.1	x	x		x
G2.2	x	x		
G2.3		x		
G2.4		x		x
G3.1		x	x	x
G3.2			x	
G4.1				x

12. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Nguyễn Hữu Trí (2004), *Kiến trúc nhập môn*, NXB Giao thông vận tải.

[2] Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giả, Võ Đình Diệp (2011), *Tuyển họa thực hành cơ sở kiến trúc: Tài liệu phục vụ đào tạo Kiến trúc sư giai đoạn 1*, NXB Xây dựng.

[3] Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Thị Kim Tú (2011). *Đồ họa kiến trúc Vẽ kỹ thuật kiến trúc, tập 1*, NXB Xây dựng.

[4] Nguyễn Bá Minh (2013), *Giáo trình cơ sở kiến trúc*, NXB Xây dựng.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Mạnh Thu (2009), *Lý thuyết kiến trúc*, NXB Xây dựng.

[2] Nguyễn Tài My (2009), *Kiến trúc công trình*, Đại học quốc gia TP.HCM.

[3] Nguyễn Đức Thiềm (2010), *Kiến trúc: Giáo trình dùng cho sinh viên ngành xây dựng cơ bản và cao đẳng kiến trúc*, NXB Xây dựng.

[4] Ching, Francis D.K (2012), *Introduction to architecture*, NXB Wiley.

[5] Neufert, Ernst (2012), *Architects' data*, NXB Wiley-Blackwell.

13. Ngày phê duyệt lần đầu:

14. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng BM

Nhóm biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Trung Kiên

TS.KTS. Đỗ Xuân Sơn

TS.KTS. Đỗ Xuân Sơn

15. Tiến trình cập nhật ĐCCT

Lần 1: Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm	<người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)
	Tổ trưởng Bộ môn:

